

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B1TS** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02061** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012798	Nguyễn Văn Bảo	20/10/1997				8	6.0	6.0			9.5		8.3
2	2253801012799	Dương Văn Bông	18/11/1982				9	9.0	9.0			9.0		9.0
3	2253801012800	Nguyễn Thành Chu	08/06/1962				9	7.0	7.0			8.0		7.8
4	2253801012801	Phạm Văn Duyên	31/12/1972				8	7.0	7.0			7.0		7.1
5	2253801012803	Lê Thanh Điền	11/11/1985				8	8.0	8.0			7.0		7.4
6	2253801012805	Nguyễn Văn Hậu	25/05/2002				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
7	2253801012806	Phạm Thái Hòa	12/06/1988				8	9.0	9.0			8.0		8.3
8	2253801012807	Đinh Thị Thu Hương	06/11/2001				8	8.0	8.0			6.5		7.1
9	2253801012809	Tô Nam Khang	30/03/1993				8	9.0	9.0			7.5		8.0
10	2253801012813	Lê Nhứt Diệu Lành	07/07/2006				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2253801012814	Phạm Kim Liên	21/07/1992				9	9.0	9.0			9.0		9.0
12	2253801012815	Lê Văn Lực	13/02/1988				8	8.0	8.0			8.5		8.3
13	2253801012817	Khuru Trần Võ Nghĩa	24/12/1973				8	9.0	9.0			8.0		8.3
14	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm Như	05/08/2001				8	9.0	9.0			8.0		8.3
15	2253801012820	Trang Quốc Pháp	06/08/2001				8	6.0	6.0			7.5		7.1
16	2253801012821	Nguyễn Văn Phước	05/07/1968				8	9.0	9.0			8.0		8.3

Châu Đốc, ngày 12 tháng 9 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền